TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4/2026/DS -ST
Ngày: 14 – 01 -2026
(*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10
TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Diệu

2. Ông Nguyễn Lê Phong

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 355/2024/TLST- DS ngày 03/07/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2025/QĐXXST-DS ngày 08/12/2025, Quyết định hoản phiên tòa số 507/2025/QĐST-DS ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Anh K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh B. (nay phường P, tỉnh L.)

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng D, sinh năm 1999

Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện B, tỉnh B (nay là xã Hàm Liêm, tỉnh L).

2. Ông Phan Nguyễn Hải L, sinh năm 2001.

Địa chỉ: khu phố Xuân Hội, thị trấn Chợ Lầu, huyện B, tỉnh B. (nay xã B, tỉnh L)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Bảo C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh B (nay là xã K, tỉnh L).

Nơi ở hiện tại: 81 V, khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh B (nay là phường B, tỉnh L).

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh B (nay là phường P, tỉnh L).

Nơi ở hiện tại: 100/3/1 N, phường P, tỉnh L.

Nguyên đơn, bị đơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Phan Nguyễn Hải L trình bày*: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại bản tự khai ngày 22/7/2024, ông Phan Anh K và ông Nguyễn Bảo C có mối quan hệ anh em bạn bè thân thiết với nhau. Do cần tiền để làm ăn nên vào khoảng tháng 5/2021, ông C có ngỏ lời mượn ông K số tiền là 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất là 01%/tháng, không có thời hạn. Bởi vì ông K tin tưởng là chỗ anh em bạn bè thân thiết nên ông K đã đồng ý cho vợ chồng ông C vay và không lập hợp đồng vay tiền.

Để làm tín cho việc vay tiền, vợ chồng ông C, bà T đã ký hợp đồng mua bán xe ô tô con hiệu Ford mang biển số 86A-135.74 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 027618 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh B cấp ngày 05/03/2020 (Đăng ký lần đầu ngày: 05/03/2020); tên chủ xe. Nguyễn Bảo C 1992, với đặc điểm cụ thể như sau:

Nhãn hiệu: FORD;

Loại xe: Ô tô con;

Số máy: YMWQLB86843;

Số khung: XMAWALB86843;

Màu sơn: Trắng;

Số loại: EVEREST;

Hợp đồng được Công chứng viên Phạm Thị H chứng nhận tại Văn phòng công chứng P có số công chứng 1749, quyển số 03/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/5/2021.

Quá trình phát sinh tranh chấp giữa ông Phan Anh K và ông Nguyễn Bảo C. Sau khi ông K giao đủ số tiền vay là 820.000.000 đồng cho ông C thì trong khoảng thời gian đầu từ tháng 5/2021 đến tháng 3/2022 ông C vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền lãi hàng tháng cho ông K là 8.200.000 đồng.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm tháng 4/2022 đến nay, ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền lãi như đã thỏa thuận và cũng không thanh toán tiền gốc cho ông K. Bức xúc hơn nữa, ông K phát hiện ông C đã mang chiếc xe ô tô con hiệu Ford mang biển số 86A-135.74 (là tài sản để làm tin cho khoản vay 820.000.000 đồng với ông K) đi cầm cố để tiếp tục vay tiền ở nơi khác.

Ông K đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu vợ chồng ông C trả nợ nhưng vợ chồng ông C luôn tìm cách trốn tránh và không có thái độ hợp tác. Chính vì vậy, ngày 25/4/2022, ông K đã nộp Đơn tố cáo đến Công an thành phố P để tố cáo về hành vi "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của ông C. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P,

vợ chồng ông C khai nhận có vay của ông K số tiền nêu trên và đến nay vẫn chưa trả. Sau đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ban hành Thông báo số 386/TB-CSĐT(ĐTTH) ngày 07/7/2023 với nội dung: ".... là giao dịch dân sự trong việc vay mượn tiền giữa ông K và ông C, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra.

... Cơ quan CSĐT Công an Tp. P thông báo cho ông K và ông C về kết quả giải quyết, đồng thời hướng dẫn ông Phan Anh K có thể khởi kiện tại TAND huyện N để được giải quyết nếu có yêu cầu".

Cũng bởi ông K tin tưởng vào mối quan hệ anh em bạn bè thân thiết với ông C nên ông K đã sẵn lòng cho vợ chồng ông C vay số tiền nêu trên. Việc vợ chồng ông C trở mặt, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông K đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K.

Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành;

Căn cứ vào sự thật khách quan của sự việc;

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Anh K;

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bảo C và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.016.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 820.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4/2022 đến nay. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn đồng ý tính lãi suất 10%/năm.

** Bị đơn ông Nguyễn Bảo C trình bày*: Tôi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôi đồng ý có nợ ông K số tiền 820.000.000 đồng và trả lãi đến tháng 4/2022, theo lãi suất 1%/tháng. Nay tôi đồng ý trả số nợ trên và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ tháng 4/2022 đến nay.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* lúc chồng tôi anh C vay tiền của ông K tôi không biết, đến khi anh C ký hợp đồng mua bán xe ô tô với ông K tôi có ký hợp đồng, nay số tiền nợ anh C giải quyết với anh K tôi không ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến**:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền vay là 820.000.000 đồng, và tiền lãi tính từ tháng 4/2022 đến nay theo lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Bảo C cư trú tại số nhà 81 V, phường B, tỉnh L, bà Nguyễn Thị Thanh T cư trú tại số 100/3/1 N, phường P, tỉnh L. Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh L.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy.

Vào tháng 05/2021 ông K có cho ông C vay số tiền 820.000.000 đồng (Tám trăn hai mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng. Trả lãi mỗi tháng 8.200.000 đồng trả đến tháng 3/2022 ông C dừng việc trả lãi, vì kinh tế gặp khó khăn. Nay ông K yêu cầu ông C và bà T phãi trả cho ông K số tiền gốc 820.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2022 đến nay, lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa hôm nay ông C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K, đồng ý trả cho ông K số tiền gốc 820.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4/2022 đến nay, theo lãi suất 10%/năm.

Xét yêu cầu của ông K về yêu cầu tính lãi 10%/năm là có cơ sở chấp nhận. Bõi lẽ: Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông K về tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phãi hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phãi trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có qui định*.

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Điều 5. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015

Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 hoặc xác lập trước ngày 01-01-2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc); tính từ tháng 04/2022 đến ngày 14/01/2026 là: 45 tháng 14 ngày = 820.000.000 đồng x 0,83%/tháng (10%/năm) x 45 tháng 14 ngày = 309.386.000 đồng.

Tổng gốc và lãi: 820.000.000 đồng + 309.386.000 đồng = 1.129.386.000 đồng.

[3] Về án phí: ông C và và bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***1/Áp dụng*:** Khoản 03 Điều 26; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 02 Điều 227; Điều 262; khoản 1 Điều 147; của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 357, Điều 468, Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

2/ *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Anh K.

Buộc ông Nguyễn Bảo C và bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho ông Phan Anh K số tiền 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính từ tháng 04/2022 đến ngày 14/01/2026 là: 309.386.000 đồng. Tổng cộng: 1.129.386.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

***3/ Án phí*:** Ông Nguyễn Bảo C và bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 45.679.203 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan Anh K 21.252.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001939 ngày 28/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố P nay là Phòng Thi hành án Khu vực 10, tỉnh L.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/01/2026).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 10-L;
- Thi hành án dân sự tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng